

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

Số: 45/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Tĩnh, ngày 16 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính;
số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập,
tổ chức hội và chỉ tiêu lao động hợp đồng năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 4**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11
năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong
cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp; số 161/2018/NĐ-CP ngày 29
tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức,
viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp
đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp
công lập; số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 về vị trí việc làm và quản
lý biên chế công chức; số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 quy định về
vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Thực hiện Quyết định số 618/QĐ-BNV ngày 18 tháng 5 năm 2021 của Bộ
Nội vụ về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà
nước của tỉnh Hà Tĩnh năm 2022; Văn bản số 6031/BNV-TCBC ngày 27 tháng 11
năm 2021 của Bộ Nội vụ về số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp
công lập của tỉnh Hà Tĩnh năm 2022;*

*Xét Tờ trình số 487/TTr-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc đề nghị giao kế hoạch biên chế công chức trong các cơ quan,
tổ chức hành chính, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập,
tổ chức hội và chỉ tiêu lao động năm 2022; báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế
Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thống nhất của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh
tại Kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Kế hoạch biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức
hành chính, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức
hội, chỉ tiêu lao động hợp đồng năm 2022, như sau:

1. Biên chế công chức hành chính:

Tổng số giao 2.266, trong đó:

- Biên chế giao sở, ban, ngành: 1.272.
- Biên chế giao Ủy ban nhân dân cấp huyện: 994.

2. Số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập:

Tổng số lượng người làm việc giao: 25.999, trong đó bao gồm:

a) Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo: 22.229

- Trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp: 282

- Bậc học Mầm non và Phổ thông các cấp: 21.756, gồm:

+ Mầm non: 5.845

+ Tiểu học: 7.240

+ THCS: 5.529

+ THPT: 3.002

+ Biên chế giáo dục THCS dôi dư: 140

- Trung tâm GDNN và GDTX cấp huyện: 174

- Trung tâm bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm và GDTX tỉnh: 17.

b) Sự nghiệp Y tế: 2.495

c) Sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 403.

d) Sự nghiệp Thông tin và Truyền thông: 93.

đ) Sự nghiệp Nghiên cứu Khoa học: 180.

e) Sự nghiệp Kinh tế và sự nghiệp khác: 599.

3. Số lượng người làm việc trong các tổ chức hội, đoàn thể: 97 người và 44 định suất hỗ trợ bằng ngân sách Nhà nước.

4. Hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 330, trong đó: cơ quan hành chính: 187 chỉ tiêu; đơn vị sự nghiệp: 134 chỉ tiêu; tổ chức hội: 09 chỉ tiêu.

(Danh mục và số lượng biên chế cụ thể có các phụ lục kèm theo)

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện biên chế công chức, số lượng người làm việc và chỉ tiêu lao động hợp đồng năm 2022 cho các cơ quan, đơn vị theo Nghị quyết này.

1. Thực hiện tuyển dụng số công chức, viên chức trên cơ sở biên chế được giao, gắn với xác định vị trí việc làm.

2. Tập trung xử lý dôi dư giáo viên, hành chính, quản lý ở bậc mầm non và phổ thông các cấp.

3. Nghiên cứu, tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức thu tối đa các khoản thu dịch vụ, phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập.

4. Rà soát, phê duyệt Đề án tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

5. Thanh tra, kiểm tra, xử lý các cơ quan, đơn vị vi phạm việc bố trí người làm việc vượt quá kế hoạch biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức hội, chỉ tiêu lao động hợp đồng năm 2022.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 16 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu UBTWQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực II;
- Bộ Tư lệnh Quân khu IV;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội Đoàn Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH



Hoàng Trung Dũng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC I

KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh)

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch biên chế năm 2022			Ghi chú
		Tổng số	Biên chế công chức	Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	
1	2	3	4	5	6
	Tổng cộng	2453	2266	187	
A	CẤP TỈNH	1411	1272	139	
1	Lãnh đạo, Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh	50	37	13	
1.1	Lãnh đạo Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	9	9		
1.2	Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh	41	28	13	
2	Lãnh đạo, Văn phòng UBND	66	57	9	
1.2	Lãnh đạo UBND tỉnh	4	4		
1.2	Văn phòng UBND tỉnh	62	53	9	
3	Sở Kế hoạch và Đầu tư	51	48	3	
4	Sở Tài chính	68	65	3	
5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	446	394	52	
5.1	Cơ quan Sở	45	42	3	
5.2	Chi cục Thủy sản	35	30	5	
5.3	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	24	21	3	
5.4	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	21	19	2	
5.5	Chi cục Phát triển nông thôn	18	15	3	
5.6	Chi cục Kiểm lâm	252	221	31	
5.7	Chi cục Thủy lợi	38	34	4	
5.8	Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và Thủy sản	13	12	1	
6	Sở Y tế	65	60	5	
6.1	Văn phòng Sở	38	35	3	

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch biên chế năm 2022			Ghi chú
		Tổng số	Biên chế công chức	Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	
1	2	3	4	5	6
6.2	Chi cục Dân số - KHHGD	14	13	1	
6.3	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	13	12	1	
7	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	53	49	4	
8	Sở Thông tin và Truyền thông	26	22	4	
9	Sở Xây dựng	41	39	2	
10	Sở Nội vụ	62	56	6	
10.1	Văn phòng Sở	38	35	3	
10.2	Ban Thi đua - Khen thưởng	11	9	2	
10.3	Ban Tôn giáo	13	12	1	
11	Sở Ngoại vụ	23	21	2	
11	Sở Công Thương	42	40	2	
12	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	44	39	5	
13	Sở Khoa học và Công nghệ	45	40	5	
13.1	Văn phòng Sở	31	28	3	
13.2	Chi cục TCĐLCL	14	12	2	
14	Sở Tư pháp	34	30	4	
15	Sở GDĐT	55	54	1	
16	Sở Tài nguyên và Môi trường	69	64	5	
17	Sở Giao thông vận tải	51	49	2	
18	Thanh tra tỉnh	42	39	3	
19	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh	57	50	7	
20	VP Ban An toàn giao thông tỉnh	5	4	1	
21	VP Điều phối thực hiện CT MTQG Xây dựng nông thôn mới	16	15	1	
B	CẤP HUYỆN	1042	994	48	
1	Huyện Kỳ Anh	75	72	3	

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch biên chế năm 2022			Ghi chú
		Tổng số	Biên chế công chức	Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	
1	2	3	4	5	6
2	Thị xã Kỳ Anh	75	72	3	
3	Huyện Cẩm Xuyên	86	82	4	
4	Thành phố Hà Tĩnh	91	88	3	
5	Huyện Thạch Hà	88	85	3	
6	Huyện Can Lộc	84	80	4	
7	Thị xã Hồng Lĩnh	65	61	4	
8	Huyện Nghi Xuân	76	73	3	
9	Huyện Đức Thọ	80	76	4	
10	Huyện Hương Sơn	89	85	4	
11	Huyện Vũ Quang	73	68	5	
12	Huyện Hương Khê	87	83	4	
13	Huyện Lộc Hà	73	69	4	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC II
KẾ HOẠCH SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP
CÔNG LẬP NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh)

STT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Kế hoạch số người làm việc năm 2022						Ghi chú
		Số người làm việc do NN cấp ngân sách			Số người làm việc đơn vị tự đảm bảo kinh phí			
		Tổng số	Biên chế	HD 68	Tổng số	Biên chế	HD 68	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng cộng	26133	25999	134	1344	1334	10	
I	Đơn vị sự nghiệp lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo, Dạy nghề	22253	22229	24	257	257	0	
1	Đại học, Cao đẳng, TH chuyên nghiệp	302	282	20	246	246	0	
1	Trường Đại học Hà Tĩnh	169	162	7	97	97		
2	Cao đẳng chuyên nghiệp, Cao đẳng nghề	108	95	13	119	119	0	
2.1	Trường Cao đẳng Y tế	36	32	4	38	38		
2.2	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Việt - Đức Hà Tĩnh	41	36	5	54	54	0	
2.3	Trường Cao đẳng Nguyễn Du	31	27	4	27	27		
3	Trung học chuyên nghiệp, trung học nghề	25	25	0	30	30	0	
3.1	Trường Trung cấp nghề	0	0	0				
3.2	Trường Trung cấp Kỹ nghệ	25	25		30	30		
2	Mầm non, phổ thông các cấp	21760	21756	4				
	Biên chế bậc học Mầm non	5845	5845					
	Biên chế bậc học tiểu học	7240	7240					
	Biên chế bậc học Trung học cơ sở	5529	5529					
	Biên chế bậc học Trung học phổ thông	3006	3002	4				
	Biên chế giáo dục THCS đôi dư	140	140					
3	Trung tâm GDNN - GDTX cấp huyện	174	174	0	9	9	0	
3.1	Trung tâm GDNN - GDTX huyện Nghi Xuân	20	20					
3.2	Trung tâm GDNN - GDTX huyện Hương Khê	13	13					
3.3	Trung tâm GDNN - GDTX thị xã Kỳ Anh	18	18					
3.4	Trung tâm GDNN - GDTX huyện Can Lộc	24	24					
3.5	Trung tâm GDNN - GDTX huyện Vũ Quang	13	13		2	2		
3.6	Trung tâm GDNN - GDTX huyện Cẩm Xuyên	15	15					

STT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Kế hoạch số người làm việc năm 2022						Ghi chú
		Số người làm việc do NN cấp ngân sách			Số người làm việc đơn vị tự đảm bảo kinh phí			
		Tổng số	Biên chế	HD 68	Tổng số	Biên chế	HD 68	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
3.7	Trung tâm GDNN - GDTX huyện Lộc Hà	13	13		2	2		
3.8	Trung tâm GDNN - GDTX huyện Hương Sơn	27	27		3	3		
3.9	Trung tâm GDNN - GDTX huyện Thạch Hà	17	17		1	1		
3.10	Trung tâm GDNN - GDTX huyện Đức Thọ	14	14		1	1		
4	Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh	17	17		2	2		
11	Đơn vị sự nghiệp lĩnh vực Y tế	2532	2495	37	888	881	7	
1	Tuyển tỉnh	322	306	16	53	53	0	
1.1	Bệnh viện	123	113	10	40	40	0	
1	BV Phổi	65	61	4	30	30		
2	Bệnh viện Tâm thần	58	52	6	10	10		
1.2	Trung tâm	200	193	6	13	13		
1	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	146	142	4	10	10		
2	Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm	29	28	1	2	2		
3	Trung tâm Pháp y và Giám định Y khoa	25	23	1	1	1		
2	Tuyển huyện	2210	2189	21	835	828	7	
2.1	Bệnh viện	51	48	3	0	0	0	
1	BV đa khoa KV Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo	51	48	3				
2.2	Trung tâm Y tế	573	555	18	835	828	7	
1	TT Y tế huyện Kỳ Anh	103	102	1				
2	TT Y tế thị xã Kỳ Anh	15	15					
3	TT Y tế thị xã Hồng Lĩnh	98	93	5	115	115		
4	TT Y tế huyện Lộc Hà	25	24	1				
5	TT Y tế huyện Can Lộc	31	30	1	187	186	1	
6	TT Y tế huyện Đức Thọ	30	29	1				
7	TT Y tế huyện Nghi Xuân	26	25	1	150	148	2	
8	TT Y tế huyện Vũ Quang	100	97	3	38	38		
9	TT Y tế huyện Cẩm Xuyên	25	24	1				
10	TT Y tế huyện Thạch Hà	28	27	1	182	181	1	
11	TT Y tế thành phố Hà Tĩnh	24	23	1				
12	TT Y tế huyện Hương Khê	33	32	1				
13	TT YT huyện Hương Sơn	35	34	1	163	160	3	
2.4	Trạm Y tế xã, phường, thị trấn	1586	1586	0	0	0	0	
1	Trạm Y tế xã thuộc huyện Kỳ Anh	149	149					

STT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Kế hoạch số người làm việc năm 2022						Ghi chú
		Số người làm việc do NN cấp ngân sách			Số người làm việc đơn vị tự đảm bảo kinh phí			
		Tổng số	Biên chế	HD 68	Tổng số	Biên chế	HD 68	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
2	Trạm Y tế xã thuộc thị xã Kỳ Anh	84	84					
3	Trạm Y tế xã thuộc thị xã Hồng Lĩnh	37	37					
4	Trạm Y tế xã thuộc huyện Lộc Hà	73	73					
5	Trạm Y tế xã thuộc huyện Can Lộc	137	137					
6	Trạm Y tế xã thuộc huyện Đức Thọ	153	153					
7	Trạm Y tế xã thuộc huyện Nghi Xuân	110	110					
8	Trạm Y tế xã thuộc huyện Vũ Quang	67	67					
9	Trạm Y tế xã thuộc huyện Cẩm Xuyên	170	170					
10	Trạm Y tế xã thuộc huyện Thạch Hà	175	175					
11	Trạm Y tế xã thuộc huyện thành phố Hà Tĩnh	86	86					
12	Trạm Y tế xã thuộc huyện Hương Khê	155	155					
13	Trạm Y tế xã thuộc huyện Hương Sơn	190	190					
III	Đơn vị sự nghiệp lĩnh vực văn hóa, Thể thao và Du lịch	431	403	28	24	22	2	
1	TT Văn hóa-Điện ảnh	28	25	3	2	2		
2	TT QBXT VHDL	10	9	1	0			
3	Bảo tàng tỉnh	16	14	2	0			
4	Thư viện tỉnh	22	19	3	0			
5	Nhà hát NTTTT tỉnh	40	38	2	0			
6	Ban Quản lý di tích Nguyễn Du	15	13	2				
7	Ban Quản lý di tích Trần Phú	8	5	3				
8	Ban Quản lý di tích Hà Huy Tập	7	5	2				
9	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục thể thao	31	26	5	1	1		
10	BQL Khu du lịch chùa Hương Tích	3	3		6	4	2	
11	BQL Khu du lịch Thiên Cầm	4	4		3	3		
12	Trung tâm Văn hóa - Truyền thông huyện Kỳ Anh	14	14		0			
13	Trung tâm Văn hóa - Truyền thông thị xã Kỳ Anh	15	15		0			
14	Trung tâm Văn hóa - Thông tin huyện Cẩm Xuyên	18	17	1	2	2		
15	Trung tâm Văn hóa - Truyền thông thành phố Hà Tĩnh	25	25		2	2		
16	Trung tâm Văn hóa - Truyền thông huyện Thạch Hà	20	20		2	2		

STT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Kế hoạch số người làm việc năm 2022						Ghi chú	
		Số người làm việc do NN cấp ngân sách			Số người làm việc đơn vị tự đảm bảo kinh phí				
		Tổng số	Biên chế	HĐ 68	Tổng số	Biên chế	HĐ 68		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	
17	Trung tâm Văn hóa - Truyền thông huyện Lộc Hà	16	16		1	1			
18	Trung tâm Văn hóa - Truyền thông huyện Can Lộc	19	17	2	0	0			
19	Trung tâm Văn hóa - Truyền thông huyện Hương Khê	19	19		1	1			
20	Trung tâm Văn hóa - Truyền thông huyện Hương Sơn	23	21	2	0				
21	Trung tâm Văn hóa - Truyền thông huyện Vũ Quang	20	20		1	1			
22	Trung tâm Văn hóa - Thông tin thị xã Hồng Lĩnh	18	18		0				
23	Trung tâm Văn hóa - Truyền thông huyện Đức Thọ	19	19		2	2			
24	Trung tâm Văn hóa - Truyền thông huyện Nghi Xuân	21	21		1	1			
IV	Đơn vị sự nghiệp lĩnh vực Thông tin và Truyền thông	97	93	4	28	28	0		
1	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh	88	85	3	28	28			
2	Trung tâm Công báo - Tin học	9	8	1	0				
V	Đơn vị sự nghiệp lĩnh vực nghiên cứu khoa học	180	180	0	0	0	0		
1	Trung tâm Ứng dụng KHKT & BVCTVN Kỳ Anh	12	12						
2	Trung tâm Ứng dụng KHKT & BVCTVN TX. Kỳ Anh	10	10						
3	Trung tâm Ứng dụng KHKT & BVCTVN Cẩm Xuyên	15	15						
4	Trung tâm Ứng dụng KHKT & BVCTVN TP Hà Tĩnh	13	13						
5	Trung tâm Ứng dụng KHKT & BVCTVN Hương Khê	16	16						
6	Trung tâm Ứng dụng KHKT & BVCTVN Thạch Hà	15	15						
7	Trung tâm Ứng dụng KHKT & BVCTVN Can Lộc	16	16						
8	Trung tâm Ứng dụng KHKT & BVCTVN TX. Hồng Lĩnh	13	13						
9	Trung tâm Ứng dụng KHKT & BVCTVN Nghi Xuân	14	14						
10	Trung tâm Ứng dụng KHKT & BVCTVN Đức Thọ	17	17						
11	Trung tâm Ứng dụng KHKT & BVCTVN Hương Sơn	17	17						
12	Trung tâm Ứng dụng KHKT & BVCTVN Vũ Quang	11	11						
13	Trung tâm Ứng dụng KHKT & BVCTVN Lộc Hà	11	11						

STT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Kế hoạch số người làm việc năm 2022						Ghi chú
		Số người làm việc do NN cấp ngân sách			Số người làm việc đơn vị tự đảm bảo kinh phí			
		Tổng số	Biên chế	HĐ 68	Tổng số	Biên chế	HĐ 68	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
VI	Đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác	640	599	41	147	146	1	
1	Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh	15	12	3	5	5		
2	Ban Quản lý khu vực mỏ sắt Thạch Khê	10	8	2	0			
3	Trạm Kiểm dịch và Chẩn đoán xét nghiệm bệnh động vật	7	7		0			
4	Trạm Kiểm dịch thực vật	4	4		0			
5	Văn phòng đại diện Hội đồng Quản lý lưu vực sông Cả tại Hà Tĩnh (Chi cục Thủy lợi)	2	2		0			
6	Trung tâm Khuyến nông	41	40	1	0			
7	Trung tâm Điều tra quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp, nông thôn	17	17		15	15		
8	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	6	5	1	19	19		
9	Ban Quản lý các cảng cá, bến cá	12	10	2	8	8		
10	Vườn Quốc gia Vũ Quang	73	68	5	0			
11	Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Kê Gỗ	63	59	4	0			
12	Ban Quản lý rừng phòng hộ Hương Khê	39	38	1	0			
13	Ban Quản lý rừng phòng hộ sông Ngân Phố	22	22	0	8	8		
14	Ban Quản lý rừng phòng hộ Nam Hà Tĩnh	26	26	0	0			
15	Ban Quản lý rừng phòng hộ Hồng Lĩnh	12	12	0	3	3		
16	Văn phòng Đăng ký đất đai	0	0					
17	Trung tâm Phát triển quỹ đất và Kỹ thuật địa chính	15	13	2	23	23		
18	Phòng Công chứng số 1	5	5		1	1		
19	Phòng Công chứng số 2	3	3		2	2		
20	Trung tâm TGPL Nhà nước tỉnh	16	16					
21	Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh	5	5		4	4		
22	Trung tâm dịch vụ việc làm	6	6	0	25	25	0	

STT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Kế hoạch số người làm việc năm 2022						Ghi chú	
		Số người làm việc do NN cấp ngân sách			Số người làm việc đơn vị tự đảm bảo kinh phí				
		Tổng số	Biên chế	HD 68	Tổng số	Biên chế	HD 68		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	
23	Trung tâm chữa bệnh giáo dục lao động xã hội	37	35	2	0				
24	Trung tâm công tác xã hội, Quỹ bảo trợ trẻ em, Tư vấn giáo dục nghề nghiệp, Phục hồi chức năng cho người khuyết tật	37	32	5	0				
25	Làng trẻ em mồ côi	22	21	1	0				
26	Trung tâm điều dưỡng NCC và BTXH	34	31	3	0				
27	Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Cung ứng dịch vụ KKT tỉnh Hà Tĩnh	22	19	3	3	3			
28	Trung tâm Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và Xúc tiến đầu tư	14	12	2					
29	Trung tâm Tư vấn và dịch vụ tài chính	14	14		10	10			
30	Trung tâm Dịch thuật và Dịch vụ Đối ngoại Hà Tĩnh	2	2	0	5	5	0		
31	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại	15	13	2	1	1	0		
32	BC Phụ trách giải phòng mặt bằng huyện Thạch Hà	3	3						
33	Bộ phận chuyên trách giúp việc BC Phụ trách giải phòng mặt bằng thị xã Kỳ Anh	5	5		9	9			
34	Trung tâm Dịch vụ hạ tầng và môi trường đô thị thị xã Kỳ Anh	6	4	2	6	5	1		
35	Ban Bồi thường hỗ trợ tái định cư thành phố Hà Tĩnh	4	4		0				
36	Đội Quản lý trật tự đô thị thành phố Hà Tĩnh	10	10		0				
37	Đội Quản lý trật tự đô thị thị xã Hồng Lĩnh	6	6		0				
38	Đội Quản lý trật tự đô thị thị xã Kỳ Anh	10	10		0				



**KẾ HOẠCH SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG CÁC TỔ CHỨC HỘI,
ĐOÀN THỂ NĂM 2022**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh)

TT	TÊN ĐƠN VỊ	Kế hoạch số lượng người làm việc năm 2022							Ghi chú
		Biên chế do NN cấp ngân sách				Biên chế đơn vị tự đảm bảo kinh phí			
		Tổng số	Biên chế	Hỗ trợ bằng NSNN	HĐ 68	Tổng số	Biên chế	HĐ 68	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	TỔNG CỘNG	150	97	44	9	0	0	0	
I	CẤP TỈNH	91	63	19	9	0	0	0	
1	Biên chế chuyên trách đoàn kết công giáo	1	1						
2	Quỹ Phát triển phụ nữ Hà Tĩnh	2	1	1					
3	Hội Chữ thập đỏ tỉnh	11	8	1	2				
4	Hội Người mù	9	5	1	3				
5	Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật	13	13		0				
6	Liên hiệp các Hội KH-KT	9	7	1	1				
7	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	2	2		0				
8	Hội Đông y	6	2	4	0				
9	Hội Nhà báo	5	4	0	1				
10	Hội Luật gia	2	2	0	0				
11	Liên minh các Hợp tác xã	20	16	2	2				
12	Hội Khuyến học	2	1	1	0				
13	Hội Người cao tuổi tỉnh	2	1	1	0				
14	Hội Cựu thanh niên xung phong tỉnh	2	0	2	0				
15	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin	2	0	2	0				
16	Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi	3	0	3	0				
II	CẤP HUYỆN	59	34	25	0				
1	Hội Chữ thập đỏ huyện Kỳ Anh	2	2	0	0				
1	Hội Chữ thập đỏ thị xã Kỳ Anh	2	1	1	0				

TT	TÊN ĐƠN VỊ	Kế hoạch số lượng người làm việc năm 2022							Ghi chú
		Biên chế do NN cấp ngân sách				Biên chế đơn vị tự đảm bảo kinh phí			
		Tổng số	Biên chế	Hỗ trợ bằng NSNN	HD 68	Tổng số	Biên chế	HD 68	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
3	Hội Chữ thập đỏ huyện Cẩm Xuyên	2	1	1	0				
4	Hội Chữ thập đỏ thành phố Hà Tĩnh	2	2	0	0				
5	Hội Chữ thập đỏ huyện Hương Khê	2	2	0	0				
6	Hội Chữ thập đỏ huyện Thạch Hà	2	1	1	0				
7	Hội Chữ thập đỏ huyện Can Lộc	3	2	1	0				
8	Hội Chữ thập đỏ thị xã Hồng Lĩnh	2	2	0	0				
9	Hội Chữ thập đỏ huyện Nghi Xuân	2	2	0	0				
10	Hội Chữ thập đỏ huyện Đức Thọ	2	1	1	0				
11	Hội Chữ thập đỏ huyện Hương Sơn	2	1	1					
12	Hội Chữ thập đỏ huyện Vũ Quang	2	2	0	0				
13	Hội Chữ thập đỏ huyện Lộc Hà	2	2	0	0				
14	Hội Người mù huyện Kỳ Anh	2	0	2	0				
15	Hội Người mù thị xã Kỳ Anh	2	1	1	0				
16	Hội Người mù huyện Cẩm Xuyên	1	1		0				
17	Hội Người mù thành phố Hà Tĩnh	2	0	2	0				
18	Hội Người mù huyện Hương Khê	1	1		0				
19	Hội Người mù huyện Thạch Hà	2	0	2	0				
20	Hội Người mù huyện Can Lộc	2	2	0	0				
21	Hội Người mù thị xã Hồng Lĩnh	1	1		0				
22	Hội Người mù huyện Nghi Xuân	2	1	1	0				
23	Hội Người mù huyện Đức Thọ	2	2	0	0				
24	Hội Người mù huyện Hương Sơn	2	0	2	0				
25	Hội Người mù huyện Vũ Quang	2	1	1	0				
26	Hội Người mù huyện Lộc Hà	0	0	0	0				
27	Hội Người cao tuổi huyện Kỳ Anh	1	0	1	0				

TT	TÊN ĐƠN VỊ	Kế hoạch số lượng người làm việc năm 2022							Ghi chú	
		Biên chế do NN cấp ngân sách				Biên chế đơn vị tự đảm bảo kinh phí				
		Tổng số	Biên chế	Hỗ trợ bằng NSNN	HD 68	Tổng số	Biên chế	HD 68		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
28	Hội Người cao tuổi thị xã Kỳ Anh	1	0	1	0					
29	Hội Người cao tuổi huyện Cẩm Xuyên	1	0	1	0					
30	Hội Người cao tuổi thành phố Hà Tĩnh	1	0	1	0					
31	Hội người cao tuổi huyện Hương Khê	0	0	0	0					
32	Hội Người cao tuổi huyện Thạch Hà	1	0	1	0					
33	Hội Người cao tuổi huyện Can Lộc	0	0	0	0					
34	Hội Người cao tuổi thị xã Hồng Lĩnh	1	0	1	0					
35	Hội Người cao tuổi huyện Nghi Xuân	1	0	1	0					
36	Hội Người cao tuổi huyện Đức Thọ	1	0	1	0					
37	Hội Người cao tuổi huyện Hương Sơn	1	1	0	0					
38	Hội Người cao tuổi huyện Vũ Quang	1	1	0	0					
39	Hội Người cao tuổi huyện Lộc Hà	1	1	0	0					



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC IV

KẾ HOẠCH NĂM HỌC 2022-2023

Số lượng người làm việc tại các trường mầm non

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh)

TT	Đơn vị	Trường hiện có	Lớp mẫu giáo				Bình quân số trẻ/lớp, nhóm hiện có	Quản lý		nhân viên hỗ trợ phục vụ		Giáo viên		Tổng cộng	
			Số trẻ		Số lớp			Hiện có	Kế hoạch giao 2022	Hiện có	Kế hoạch giao 2022	Hiện có	Kế hoạch giao 2022	Hiện có	Kế hoạch giao 2022
			Hiện có	Kế hoạch 2022	Hiện có	Kế hoạch giao 2022									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	TX Kỳ Anh	11	4617	4980	164	162	28.15	34	34	11	11	305	324	350	369
2	Kỳ Anh	20	7580	8048	260	260	29.15	59	59	20	20	477	521	556	600
3	Cẩm Xuyên	24	8109	8100	270	269	30.03	68	68	24	24	508	537	600	629
4	TP Hà Tĩnh	15	4199	4415	140	140	29.99	41	41	15	15	267	280	323	336
5	Thạch Hà	28	7933	8049	288	286	27.55	73	73	44	39	520	572	637	684
6	Lộc Hà	12	4481	4692	146	146	30.69	31	36	12	12	283	292	326	340
7	Can Lộc	18	7248	7240	255	252	28.42	58	54	26	26	498	503	582	583
8	Hương Khê	21	5297	5377	193	200	27.45	63	63	21	21	393	400	477	484
9	Hương Sơn	25	5743	5641	232	231	24.75	74	72	43	40	458	461	575	573
10	Vũ Quang	12	1577	1611	64	66	24.64	30	30	10	12	130	132	170	174
11	Đức Thọ	24	4705	4824	175	175	26.89	60	60	36	36	350	350	446	446
12	TX Hồng Lĩnh	6	1933	2034	71	71	27.23	17	17	6	6	138	142	161	165
13	Nghi Xuân	17	5500	5896	198	198	27.78	48	49	16	17	385	396	449	462
Tổng cộng		233	68922	70907	2456	2456	28.06	656	656	284	279	4493	4910	5652	5845



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC V
KẾ HOẠCH NĂM HỌC 2022-2023
Số lượng người làm việc tại các trường tiểu học
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh)

Đơn vị	Số trường	Số học sinh		Tổng số lớp		Bình quân hs/lớp hiện có	Quản lý		Đội		Hỗ trợ phục vụ (hành chính)		Giáo viên		Tổng biên chế	
		Hiện có	Kế hoạch 2022	Hiện có	Kế hoạch giao 2022		Hiện có	Kế hoạch giao 2022	Hiện có	Kế hoạch giao 2022	Hiện có	Kế hoạch giao 2022	Hiện có	Kế hoạch giao 2022	Hiện có	Kế hoạch giao 2022
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
TX Kỳ Anh	10	10342	10817	328	328	31.5	29	29	10	10	28	28	404	466	471	533
Kỳ Anh	17	13271	13917	434	427	30.6	47	47	18	18	45	43	511	606	621	714
Cẩm Xuyên	24	14,598	15,303	469	464	31.1	47	52	24	24	54	55	578	659	703	790
TP Hà Tĩnh	15	10669	10922	308	309	34.6	33	34	14	15	28	28	403	438	478	515
Thạch Hà	25	13334	13811	427	423	31.2	56	57	31	31	53	55	517	601	657	744
Lộc Hà	12	8107	8289	252	250	32.2	26	27	12	12	32	31	329	355	399	425
Can Lộc	19	13493	13862	430	427	31.4	45	48	19	19	50	50	550	606	664	723
Hương Khê	21	10857	11152	358	352	30.3	46	46	21	21	58	54	450	500	575	621
Hương Sơn	22	10253	10555	351	351	29.2	53	51	22	22	61	65	495	498	631	636
Vũ Quang	10	2860	2918	106	106	27.0	20	23	11	11	20	20	150	151	201	205
Đức Thọ	24	9007	9169	311	310	29.0	49	49	24	24	58	56	418	440	549	569
TX Hồng Lĩnh	4	3741	3872	113	113	33.1	10	12	6	6	12	12	148	160	176	190
Nghi Xuân	17	10004	10377	325	320	30.8	39	39	17	17	37	41	375	454	468	551
Tổng	220	130536	134964	4212	4180	31.0	500	514	229	230	536	538	5328	5934	6593	7216



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC VI
KẾ HOẠCH NĂM HỌC 2022-2023

Số lượng người làm việc tại các trường trung học cơ sở
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh)

Huyện	Số trường	Số học sinh		Tổng số lớp		Bình quân hs/lớp hiện có	Quản lý		Đội		Hỗ trợ phục vụ (hành chính)		Giáo viên		Tổng biên chế		
		Hiện có	Kế hoạch 2022	Hiện có	Kế hoạch giao 2022		Hiện có	Kế hoạch giao 2022	Hiện có	Kế hoạch giao 2022	Hiện có	Kế hoạch giao 2022	Hiện có	Kế hoạch giao 2022	Hiện có	Kế hoạch giao 2022	Dôi dư so với hiện có
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
TX Kỳ Anh	9	5566	6188	149	149	37.36	21	21	8	9	38	38	266	284	333	352	
Kỳ Anh	16	7718	7985	233	233	33.12	34	34	15	15	51	51	365	442	465	542	
Cẩm Xuyên	16	8645	9110	254	259	34.04	33	34	16	16	54	54	471	493	574	597	
TP Hà Tĩnh	9	6379	6772	165	167	38.66	18	18	9	9	31	31	311	318	369	376	
Thạch Hà	14	7953	8416	235	245	33.84	31	31	16	15	52	52	480	467	579	565	-14
Lộc Hà	7	5464	5674	158	160	34.58	15	16	7	7	29	28	298	304	349	355	
Can Lộc	15	8121	8474	268	268	30.30	32	32	15	15	50	47	537	509	634	603	-31
Hương Khê	12	6199	6534	189	192	32.38	25	25	12	12	50	50	381	364	468	451	-17
Hương Sơn	15	6384	6638	218	218	29.28	34	35	15	15	60	60	432	414	541	524	-17
Vũ Quang	7	1675	1816	64	64	26.17	14	14	6	6	27	24	134	122	181	166	-15
Đức Thọ	10	5576	5851	170	172	32.80	21	20	10	10	39	39	365	327	435	396	-39
TX Hồng Lĩnh	6	2464	2559	78	78	31.59	13	13	4	4	16	16	155	148	188	181	-7
Nghi Xuân	11	5716	5935	184	185	31.07	23	23	11	11	35	35	350	352	419	421	
Tổng	147	77860	81952	2365	2390	32.92	314	316	144	144	532	525	4545	4544	5535	5529	-140



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC VII
KẾ HOẠCH NĂM HỌC 2022-2023

Số lượng người làm việc tại các trường trung học phổ thông

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh)

Tên trường	Số trường	Số học sinh hiện có	Số học sinh kế hoạch 2022	Số lớp		Bình quân số học sinh/lớp hiện có	Tổng biên chế		HD 68		Cán bộ quản lý		Tổng GV đứng lớp		Tổng Nhân viên	
				Hiện có	Kế hoạch 2022		Hiện có	Kế hoạch 2022	Hiện có	Kế hoạch 2022	Hiện có	Kế hoạch 2022	Hiện có	Kế hoạch 2022	Hiện có	Kế hoạch 2022
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Sở Giáo dục và Đào tạo	38	41545	41758	1175	1182	35.4	2929	3002	4	4	135	135	2660	2692	134	175